TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 497/2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 21/9/2018;
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Hoa Kiều**;

2/ Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Ngân**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 408/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2018/QĐXX-ST ngày 28/8/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị Phương A** – sinh năm: 1992;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:* **Nguyễn Trọng B - sinh năm: 1990;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trọng B cưới nhau vào năm 2011 do quen biết và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 70/2012, ngày 27/8/2012. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B không quan tâm đến gia

đình, thường xuyên nhậu về về chửi mắng và đánh đập chị. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 08/2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trọng B.

Về con chung: Có một con chung, cháu tên Nguyễn Ngọc Thảo C, sinh ngày 17/11/2012. Hiện tại cháu C đang sống với chị và anh B. Khi ly hôn, chị đồng ý nuôi cháu C và chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung Không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Trọng B trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị A về thời gian và điều kiện đăng ký kết hôn là đúng. Anh thừa nhận trong lúc nóng giận có đánh chị A nhưng do anh ghen tuông nên không kìm chế được bản thân. Nay chị A xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ thương con, anh hứa sẽ thay đổi tính tình để cùng vợ lo cho con.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị A. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu C cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa chị A cương quyết xin ly hôn với anh B, không chấp nhận đoàn tụ và giao cháu Thảo C cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị A không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị A, trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý nuôi cháu Thảo C và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung, xét thấy việc mâu thuẫn giữa chị A và anh B là có thật, tuy nhiên anh B không có biện pháp nào để hàn gắng tình cảm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A. Về con chung, cháu Thảo C đang sống ổn định với anh B, khi ly hôn chị A đồng ý để anh B tiếp tục nuôi dưỡng và anh B cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Phương A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trọng B, giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa chị A cương quyết xin ly hôn vì anh B thường xuyên nhậu về đánh đập, chửi mắng chị. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh B thừa nhận trong lúc nóng giận anh có đánh chị A vì anh ghen tuông, từ lúc chị A nộp đơn ly hôn anh đã

rất hối hận và xin chị A cho anh cơ hội cuối cùng để sữa chữa lỗi lầm. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh B là có thật, mâu thuẫn giữa anh chị tuy không lớn tuy nhiên từ khi giải quyết vụ án cho đến nay anh B không có biện pháp nào để hàn gắng tình cảm. Đồng thời trước đấy chị A đã từng nộp và rút đơn ly hôn để cho anh B cơ hội sữa sai nhưng anh B vẫn không thay đổi. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A với B nhằm giải phóng cho cả hai.

[3] Về con chung: Chị A đồng ý giao cháu C cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng và anh B cũng đồng ý nên Tòa án ghi nhận.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương A đối với anh Nguyễn Trọng B

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Phương A được ly hôn với anh Nguyễn Trọng B.

- Về con chung: Anh Nguyễn Trọng B được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thảo C, sinh ngày 17/11/2012. Chị Nguyễn Thị Phương A có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị Phương A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014945 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, như vậy chị A đã thi hành xong.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Cao Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.